

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày: 26-7-2019

“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ma Thị Ngọc Hà

2. Bà Nguyễn Thị Tình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Xuân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04 ngày 13 tháng 6 năm 2019; Quyết định mở lại phiên tòa và thay đổi Hội thẩm nhân dân tiến hành tố tụng vụ án dân sự số: 13/2019/QĐ-TA ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Việt Nam T. Địa chỉ: Láng H, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng Việt Nam T.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A. Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng Việt Nam T.

Người được ủy quyền lại: Ông Đào Ngọc Q. Chức vụ: Chuyên viên trung tâm pháp luật ngân hàng Việt Nam T (VPBank). Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1971. Đều trú tại: Phố H, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (ông H có mặt, bà L

vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án, ông Đào Ngọc Q được Ngân hàng ủy quyền trình bày: Ngày 11/8/2016 Phòng giao dịch L - Ngân hàng Việt Nam T – Chi nhánh T có ký hợp đồng tín dụng số 8586574 và khế ước nhận nợ ngày 12/8/2016 cho vợ chồng ông Lê Mạnh H và bà Hoàng Thị L vay số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 10/8/2016 ông H, bà L có ký hợp đồng thế chấp số 10082016 với ngân hàng để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ số 23; Địa chỉ: phố H, phường A, thị xã Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE357420 của UBND thị xã P cấp ngày 13/12/2011 đứng tên ông Lê Mạnh H và bà Hoàng Thị L.

Tính đến ngày 14/07/2018, tổng số tiền ông Lê Mạnh H và bà Hoàng Thị L còn nợ ngân hàng T là: 1,143,046,253 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 975,466,668 đồng, nợ lãi là 141,771,740 đồng (bao gồm: Lãi trong hạn = 32,160,994 đồng, lãi quá hạn = 109,610,746 đồng), Phạt chậm trả là: 25,807,845 đồng. Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng ông H, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, Ngân hàng đã khởi kiện ông H, bà L đến Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ để giải quyết. Trong quá trình Tòa án giải quyết, ngày 05/6/2019 ông H đã trả nợ thêm cho Ngân hàng được số tiền 200.000.000 đồng, bao gồm các khoản sau: Phí dịch vụ: 53,324 đồng (Phí duy trì tài khoản tín dụng), tiền nợ gốc: 199,946,676 đồng. Tính đến ngày 26/7/2019 ông H, bà L còn nợ của Ngân hàng T số tiền gốc là: 775,519,992 đồng, tiền lãi là: 392,265,270 đồng (gồm lãi trong hạn = 32,160,994 đồng, lãi quá hạn = 360,104,276 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ giải quyết buộc ông Lê Mạnh H và bà Hoàng Thị L phải trả cho Ngân hàng Việt Nam T các khoản gồm: Tiền nợ gốc là 775.519.992 đồng, tiền lãi 392.265.270 đồng (trong đó lãi trong hạn phát sinh từ ngày 12/08/2016 đến ngày 10/03/2017 là 32,160,994 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 11/3/2017 đến ngày 26/7/2019 là 360.104.276 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 26/7/2019 là: 1.167.785.262 đồng.

Đối với số tiền phạt chậm trả 107.062.318 đồng, do hiện nay ông H, bà L đang khó khăn nên Ngân hàng không yêu cầu ông H, bà L phải trả.

Đề nghị duy trì hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án.

- Tại các bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 08/3/2019 ông Lê Mạnh H trình bày: Ngày 11/8/2016 vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng T để vay 1.000.000.000đ (Một tỉ đồng) để mua sắm nội thất gia đình và ký hợp đồng thế chấp nhà và đất của vợ chồng như ông Đào Ngọc Q là người được Ngân hàng ủy quyền trình bày là đúng. Sau khi vay do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông mới chỉ trả được một số ít tiền gốc và lãi cho ngân hàng, tính đến ngày 14/7/2018 vợ chồng ông vẫn còn nợ của ngân hàng số tiền gốc, tiền lãi và phạt chậm trả như ông Q trình bày là đúng. Sau khi ngân hàng khởi kiện, ngày 05/6/2019 ông đã trả tiếp cho ngân hàng được 200.000.000 đồng tiền gốc. Hiện nay vợ chồng ông còn nợ của Ngân hàng 775.519.992 tiền gốc và các khoản lãi phát sinh. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả nợ số tiền gốc và lãi trên, ông hoàn toàn nhất trí. Nhưng hiện nay gia đình đang gặp khó khăn nên vợ chồng ông xin trả số tiền gốc và xin giảm số tiền lãi và đề nghị Ngân hàng gia hạn thời hạn trả nợ để gia đình ông có thời gian chuẩn bị tiền trả cho Ngân hàng.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Hoàng Thị L để làm việc nhưng hiện nay bà L đã bỏ đi khỏi địa phương không để lại địa chỉ nên không biết hiện nay bà L ở đâu nên không có bản tự khai và Tòa án không tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải với bà L được.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đào Ngọc Q được Ngân hàng ủy quyền trình bày số tiền phạt chậm trả lãi 10.150.068 đồng mà Ngân hàng đã thu của ông H, bà L bị đơn đã trả cho Ngân hàng, do số tiền này đã thực hiện xong theo thứ tự thanh toán trong hợp đồng nên Ngân hàng đề nghị Tòa án trừ số tiền này vào tiền nợ lãi. Vì vậy yêu cầu ông H và bà L phải trả nợ số tiền gốc 775.519.992 đồng; Lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 26/7/2019 số tiền 392.265.270 đồng. Tổng gốc cộng lãi là 1.167.785.262 đồng, tiếp duy trì hợp đồng tín dụng số 8586574 ngày 11/8/2016, giấy nhận nợ ngày 12/8/2016 và duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10082016 ngày 10/8/2016 để đảm bảo việc thu hồi nợ; Trường hợp tài sản thế chấp của ông H, bà L không đủ để thanh toán nợ thì đề nghị Tòa án yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông H, bà L để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Phía ông Lê Mạnh H trình bày: Quá trình thực hiện hợp đồng, ông và bà L đã trả dần cả nợ gốc và nợ lãi, theo ông số tiền vợ chồng ông còn nợ ngân

hàng T chỉ khoảng 900.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng nhưng ông không có tài liệu chứng minh. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả nợ số tiền trên ông hoàn toàn nhất trí. Do hiện nay gia đình ông đang gặp khó khăn nên vợ chồng ông xin được trả nợ gốc cho Ngân hàng còn tiền lãi ông đề nghị Ngân hàng giảm cho vợ chồng ông. Ông đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông một thời gian để ông thu xếp trả nợ cho Ngân hàng. Đối với số tiền phạt chậm trả lãi 10.150.068 đồng mà vợ chồng ông đã trả cho Ngân hàng, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa:

- Việc xác định tư cách tố tụng của các đương sự theo đúng quy định tại điều 68 Bộ luật tố tụng.

- Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến điều 97, điều 101, điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Trình tự thụ lý, việc giao thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự, niêm yết thực hiện đúng quy định tại điều 195, 196 Bộ luật tố tụng năm 2015.

- Về thực hiện việc thông báo, thành phần, trình tự mở và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã hướng dẫn đương sự viết bản tự khai và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với các bên đương sự.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định về việc ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; việc cấp, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia phiên tòa đúng quy định.

- Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Ngân hàng Việt Nam T do ông Đào Ngọc Q là người đại diện theo ủy quyền đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ yêu cầu khởi kiện của mình; nhận thông báo hợp lệ để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là ông Lê Mạnh H, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi mở phiên tòa, ông Lê Mạnh H đã thực hiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên

tòa ngày 28/6/2019, ông H vắng mặt không không có lý do nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H có mặt đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là bà Hoàng Thị L đã không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, tại phiên tòa ngày 28/6/2019 và phiên tòa hôm nay bà L vắng mặt không có lý do. Bà L đã vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 5 Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 715, Điều 717 và 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8, Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Duy trì hợp đồng thế chấp số 8586574 ngày 11/8/2016 giữa Ngân hàng T, chi nhánh T, Phòng giao dịch L với ông Lê Mạnh H và bà Hoàng Thị L.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Việt Nam T, buộc: Ông Lê Mạnh H, bà Lê Thị L phải có trách nhiệm trả nợ gốc và nợ lãi đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử cho Ngân hàng T theo quy định của pháp luật.

Số tiền 10.150.068 đồng là số tiền phạt chậm trả lãi bị đơn đã trả cho Ngân hàng được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm bị đơn trả cho Ngân hàng.

Kể từ ngày kể tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm ông H, bà L phải tiếp tục chịu lãi suất theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông H, bà L thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp ông H, bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Việt Nam T có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng tín dụng số 8586574 ngày 11/8/2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10082016 ngày 10/8/2016, cụ thể:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa số 123, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: phố H, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

- Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên.

+ Bác yêu cầu của nguyên đơn trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thanh toán thì nguyên đơn đề nghị Tòa án yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bị đơn để thanh toán nợ cho nguyên đơn.

+ Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Mạnh H; Bà Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Việt Nam T và vợ chồng ông Lê Mạnh H, bà Hoàng Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 8586574 ngày 11/8/2016 với Phòng giao dịch L - Ngân hàng Việt Nam T – Chi nhánh T để vay tiền với mục đích tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do các bên ký kết hợp đồng trước ngày 01/01/2017 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Bị đơn đều cư trú tại phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng bà L đã bỏ đi khỏi địa phương nên không có lời khai. Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa Ngân hàng và ông Lê Mạnh H nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về giải quyết vụ án. Phiên tòa ngày 28/6/2019, bị đơn ông Lê Mạnh H, bà Hoàng Thị L đã được tổng đạt Quyết định xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn ông Lê Mạnh H có mặt, bà Hoàng Thị L đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bà Hoàng Thị L.

[2] Về nội dung vụ kiện: Ngày 11/8/2016 vợ chồng ông Lê Mạnh H, bà Hoàng Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 8586574 với Phòng giao dịch L - Ngân hàng Việt Nam T – Chi nhánh T để vay số tiền 1.000.000.000đ, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà L đã không thực hiện đúng thỏa thuận với Ngân hàng như hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày 01/6/2018 ông H, bà L trả được cho Ngân hàng 24,533,332 đồng tiền gốc và 214.109.874 đồng tiền lãi; 10.150.068 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết. Ngày 05/6/2019 Ông Lê Mạnh H đã trả cho Ngân hàng được 200.000.000 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 199,946,676 đồng và phí dịch vụ: 53,324 đồng (phí duy trì tài khoản tin nhắn điện thoại). Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị L là Bị đơn đã đi khỏi địa phương nên không có lời khai và Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải với bà L được. Ngày 09/5/2019, Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ đã trưng cầu giám định chữ ký

và chữ viết của bà Hoàng Thị L tại Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Đơn đăng ký yêu cầu thế chấp quyền sử dụng đất với chữ ký và chữ viết của bà L trong Bản nhận xét đánh giá, xếp loại giáo viên năm học 2017 – 2018, Phiếu đánh giá và xếp loại viên chức năm 2016, Phiếu đánh giá và xếp loại viên chức năm 2017 (là những tài liệu được lưu trữ tại Trường tiểu học L, huyện T, tỉnh Phú Thọ nơi bà L trước đây công tác).

Tại kết luận giám định số 620/KLGD-PC09 ngày 21/5/2019 của Phòng khoa học kỹ thuật hình sự đã kết luận: “Chữ ký đứng tên “Hoàng Thị L” dưới mục “Bên thế chấp (hoặc người được bên thế chấp ủy quyền); Bên thế chấp; Bên vay” trên “Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; Hợp đồng tín dụng; Khế ước nhận nợ”(các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4) so với chữ ký đứng tên Hoàng Thị L dưới mục “Viên chức tự đánh giá; Người tự nhận xét, đánh giá trên “Phiếu đánh giá và phân loại viên chức; Bản nhận xét đánh giá, xếp loại giáo viên” (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3) **là do cùng một người viết ra.**

Các chữ “Hoàng Thị L” dưới mục “Bên thế chấp (hoặc người được bên thế chấp ủy quyền); Bên thế chấp; Bên vay” trên “Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; Hợp đồng tín dụng; Khế ước nhận nợ”(các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4) so với chữ Hoàng Thị L dưới mục “Viên chức tự đánh giá; Người tự nhận xét, đánh giá trên “Phiếu đánh giá và phân loại viên chức; Bản nhận xét đánh giá, xếp loại giáo viên” (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3) **là do cùng một người viết ra**

Ngày 22/5/2019, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản mà ông H, bà L thế chấp. Qua thẩm định xác định tài sản đúng như tài sản mà ông H, bà L đã thế chấp tại Ngân hàng.

Xét về nội dung hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 8586574 ngày 11/8/2016 đã ký kết giữa vợ chồng ông Lê Mạnh H, bà Hoàng Thị L với Phòng giao dịch L - Ngân hàng Việt Nam T – Chi nhánh T đã làm đầy đủ các thủ tục do pháp luật quy định, nên được chấp nhận hợp lệ.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: Hợp đồng thế chấp tài sản số 10082016 ngày 10/8/2016 giữa ông Lê Mạnh H và bà Hoàng Thị L với ngân hàng đã làm đầy đủ thủ tục, được phòng công chứng chứng thực. Ông H, bà L đã dùng chính tài sản của mình để thế chấp với Ngân hàng là hợp pháp.

Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng Việt Nam T đối với ông Lê Mạnh H và bà Hoàng Thị L như sau. Do quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà L đã vi phạm các cam kết trong thỏa thuận hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, cần buộc ông H, bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Việt Nam T số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn như hợp đồng tín dụng là phù hợp. Riêng về số tiền phạt vi phạm hợp đồng ông H và bà L đã nộp 10.150.068 đồng. Theo hướng dẫn Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì số tiền phạt vi phạm trên sẽ được trừ vào số tiền gốc của từng thời điểm mà ông H bà L đã nộp phạt, số tiền gốc còn lại được tính lãi quá hạn theo hợp đồng. Do vậy phía Ngân hàng yêu cầu trừ vào phần lãi là không được chấp nhận. Vì vậy cần phải buộc ông H và bà L phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc còn lại là 765.369.924 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 26/7/2019 là 363.605.501 đồng. Tổng gốc cộng lãi là 1.128.975.425 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật và tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng số 8586574 ngày 11/8/2016, giấy nhận nợ ngày 12/8/2016 và duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10082016 ngày 10/8/2016 để đảm bảo thi hành án.

+ Tại phiên tòa, phía Ngân hàng đề nghị trường hợp tài sản thế chấp của ông H, bà L không đủ để thanh toán thì đề nghị Tòa án yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông H, bà L để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Xét thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng để vay tiền giữa các bên đã có hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo khoản tiền vay, nếu sau này ông H, bà L không trả nợ được thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trả cho Ngân hàng, nếu không đủ tiền trả nợ thì Ngân hàng đề nghị Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ kê biên, phát mại các tài sản khác của ông H, bà L để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Ông Lê Mạnh H thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông H theo quy định của pháp luật; Bà Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bồi các lễ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 5 Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 715, Điều 717 và 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 điều 8, điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm đ, khoản 1, Điều 12, khoản 1, khoản

4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Việt Nam T. Buộc ông Lê Mạnh H, bà Hoàng Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Việt Nam T số tiền gốc 765.369.924 đồng; Tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày xét xử 26/7/2019 là 363.605.501 đồng. Tổng gốc cộng lãi là 1.128.975.425 đồng (một tỷ một trăm hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày kể tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm ông H, bà L phải tiếp tục chịu lãi suất theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông H, bà L thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Việt Nam T.

Trường hợp ông Lê Mạnh H và bà Hoàng Thị L không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng Việt Nam T thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xử lý phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng tín dụng số 8586574 ngày 11/8/2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10082016 ngày 10/8/2016 để thu hồi nợ trả cho Ngân hàng.

Bác yêu cầu của đại diện Ngân hàng Việt Nam T về việc trường hợp tài sản thế chấp của ông Lê Mạnh H, bà Hoàng Thị L không đủ để thanh toán thì đề nghị Tòa án yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông H, bà L để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Về lệ phí: Áp dụng Điều 157 và Điều 160 Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết của bà Hoàng Thị L và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp. Phía Ngân hàng đã nộp và đã chi phí hết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Mạnh H; Bà Hoàng Thị L phải chịu 22.934.631 đồng (hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi một đồng); làm tròn là 22. 934.000 đồng (hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Việt Nam T số tiền 23.145.000đ (Hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002113 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người đại diện cho Ngân hàng Việt Nam T, ông Lê Mạnh H có mặt có quyền kháng cáo. Bà Hoàng Thị L vắng

mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết Bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đường sự;
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

Phạm Văn Toàn